

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P,
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 466/2023/ HNGĐ -ST

Ngày: 28 – 9 – 2023

V/v Ly hôn giữa
chị N và anh T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Tác
2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nam là Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Vinh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 244/2023/TLST- HNGĐ, ngày 28 tháng 6 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 299/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Cao Thị Thúy N, sinh năm 1980, (có đơn xin vắng mặt)

Số điện thoại: 033. 481. 97. 07

2. Bị đơn: anh Võ Minh T, sinh năm 1981, (vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: Số C, tổ A, ấp B, xã B, huyện P, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện ngày 30 tháng 5 năm 2023 và trong qua trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Cao Thị Thúy N trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: năm 2009 chị và anh Võ Minh T tìm hiểu về tình cảm được vài tháng và hai bên đồng ý kết hôn, năm 2011 đăng ký kết hôn tại Ủy

ban nhân dân xã B, Giấy chứng nhận kết hôn số 112/2011 ngày 28/7/2011. Sau khi cưới vợ chồng sống bên nhà cha mẹ ruột của chị (xã B), không ở bên nhà chồng vì không đủ chỗ ở. Vợ chồng sống hạnh phúc được vài tháng, đến khoảng tháng 4/2009 phát sinh mâu thuẫn do anh T không lo làm ăn, chỉ ăn chơi cờ bạc, vợ chồng thường xuyên cãi vã, nhiều lần chị và cha mẹ khuyên bảo anh T không sửa đổi, chị qua nhà cha mẹ chồng (xã V, huyện C) cho biết thì mẹ chồng kêu chị nhìn anh T, lúc này chị đã có thai (cháu Võ Thị Trà M) nên chị cố gắng chịu đựng. Vợ chồng khó khăn về tài chính, anh T cờ bạc gây nợ nần, chị phải lo trả nợ, nên năm 2021 anh T thiếu nợ và chủ nợ đến đòi anh bỏ đi trốn nợ, chị tiếp tục trả nợ và vợ chồng ly thân, do con bị bệnh anh T có về thăm, ở nhà vài tháng vợ chồng tiếp tục gây gổ cũng do anh T cờ bạc và nợ nần, tiếp tục bỏ đi và vợ chồng tiếp tục ly thân từ đó đến nay. Chị nhận thấy không còn tình cảm, chị yêu cầu ly hôn anh T.

- Về con chung: có 01 con chung tên Võ Thị Trà M, sinh ngày 12/12/2010, chị đang nuôi dưỡng. Tại văn bản ngày 28/6/2023 cháu M có nguyện vọng sống với mẹ. Chị yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023 chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Anh Võ Minh T (là bị đơn) đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu của nguyên đơn, không đến Tòa án làm việc và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên không ghi nhận được ý kiến của anh T.

- Tại Biên bản xác minh ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Tòa án được Ban ấp, xã B cho biết, quá trình chung sống giữa chị N và anh T thường hay cự cãi việc lặt vặt, nghe nói trước đây anh T cờ bạc (chơi đá gà) nhưng không biết đó có phải là nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn hay không, anh T không thường ở địa phương, từ năm 2021 đến nay không thấy anh thiên về địa phương.

- Tại Biên bản xác minh ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Tòa án được chị Cao Thị L (chị ruột chị N) cho biết, từ năm 2021 đến nay chị N và anh T sống không hạnh phúc do anh T cờ bạc, đá gà, không lo làm ăn, gây nợ nần, chị T phải trả nợ, vợ chồng thường xuyên cự cãi, chị có khuyên can nhưng anh T không thay đổi, mà nói ăn chơi quen rồi không bỏ được. Gần đây anh T biết chị N yêu cầu ly hôn, anh cũng muốn ly hôn nhưng đi làm xa không về được. Chị thấy tình cảm vợ chồng chị N, anh T không còn, chị cũng muốn cho vợ chồng ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng: nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Cao Thị Thúy N đối với anh Võ Minh T theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; về nuôi con chung, giao con chung tên Võ Thị Trà M, sinh ngày 12/12/2010 cho chị N nuôi dưỡng, chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng

nuôi con nên không đề cập; chia tài sản và nợ chung không có; về án phí, chị N phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Cao Thị Thúy N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Võ Minh T, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Võ Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố Tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị N và anh T.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Hôn nhân của chị N và anh T là hợp pháp, vì anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thấy rằng, theo chị N khai vợ chồng mâu thuẫn do anh thiên cờ bạc gây nợ nần, chị và gia đình khuyên bảo nhưng anh T không sửa chữa. Vợ chồng có thời gian dài ly thân từ năm 2021 đến nay không hàn gắn, từ lúc chị N khởi kiện ly hôn đến nay anh T cũng không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Cho thấy hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N và theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cho ly hôn giữa chị N và anh T.

[2.2] Về nuôi con chung: chị N yêu cầu tiếp tục nuôi con chung tên Võ Thị Trà M, sinh ngày 12/12/2010, chị đang nuôi dưỡng, chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Từ lúc ly thân đến nay chị N nuôi con ổn định và cháu M cũng có nguyện vọng sống với mẹ. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao cháu M cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”, nhưng chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con là sự tự nguyện của chị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Căn cứ khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay việc cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về chia tài sản: không có.

Về nợ chung: ghi nhận chị N xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị N và anh T trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm, chị N phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, 83, 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Cao Thị Thúy N và anh Võ Minh T, Giấy chứng nhận kết hôn số 112/2011, ngày 28/7/2011 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện P, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về nuôi con chung: giao con chung tên Võ Thị Trà M, sinh ngày 12/12/2010 cho chị Cao Thị Thúy N tiếp tục nuôi, chị N đang nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu anh Võ Minh T cấp dưỡng nuôi con, nên anh T không phải cấp dưỡng.

Anh Võ Minh T không trực tiếp nuôi con, anh có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay việc cấp dưỡng cho con.

3. Về chia tài sản: không có.

Về nợ chung: ghi nhận chị Cao Thị Thúy N xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị N và anh T trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: chị Cao Thị Thúy N phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006288 ngày 28/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh An Giang.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS H. P;
- UBND xã B, huyện.P, tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Kim Phương

